

KẾ HOẠCH
SỐ LỚP VÀ SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP
NĂM HỌC 2022-2023

NAM HỌC 2022-2023																						
STT	Tên trường	TS nhóm, lớp	Số nhóm nhà trẻ				Số lớp mẫu giáo				TS học sinh	Số học sinh nhà trẻ					Số học sinh mẫu giáo				Ghi chú	
			TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi		5-6 tuổi	TS	6-12 tháng	13-18 tháng	19-24 tháng	25-36 tháng	TS	3-4 tuổi	4-5 tuổi		5-6 tuổi
1	MN KCX Tân Thuận	17	5	1	1	1	2	12	3	4	5	545	105	15	20	20	50	440	90	150	200	TTHĐ
2	MN 19/5	18	4	1	1	1	1	14	5	5	4	495	80	15	20	20	25	415	125	150	140	
3	MN Tân Thuận Tây	9	1				1	8	2	3	3	285	25				25	260	60	90	110	
	MN T. T. Tây Cs2	8	1				1	7	2	2	3	265	25				25	240	60	70	110	
4	MN Bình Thuận	6	1				1	5	1	2	2	205	25				25	180	30	70	80	
5	MN Tân Hưng	14	3	0	0	1	2	11	3	4	4	450	70	0	0	20	50	380	90	140	150	
6	MN Tân Phong	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	660	105	15	20	20	50	555	175	180	200	
7	MN Tân Phong 2 Cs1	10	1				1	9	3	3	3	330	30				30	300	90	100	110	
	MN Tân Phong 2 Cs2	10	1				1	9	3	3	3	330	30				30	300	90	100	110	
8	MN Tân kiểng	10	2			1	1	8	2	3	3	340	45			20	25	295	60	105	130	
	MN Tân kiểng Cs2	4	0					4	2	1	1	130	0					130	60	35	35	
9	MN Tân Quy	9	2				2	7	2	2	3	290	50				50	240	60	70	110	
10	MN Tân Phú	10	2			1	1	8	2	3	3	330	45			20	25	285	60	105	120	
	MN Tân Phú Cs2	3	0					3	1	1	1	100	0					100	30	35	35	
11	MN Hoa Hồng	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	585	105	15	20	20	50	480	125	154	201	TTHĐ
12	MN Phú Thuận	20	5	1	1	1	2	15	5	5	5	710	105	15	20	20	50	605	150	215	240	
13	MN Phú Mỹ	20	4	1	1	1	1	16	5	5	6	565	80	15	20	20	25	485	125	150	210	KĐCLGD
	Tổng hợp	208	42	6	6	9	21	166	51	56	59	6615	925	90	120	180	535	5690	1480	1919	2291	
Người lập bảng																						

Người lập bảng


Nguyễn Thị Cẩm Hồng


TRƯỞNG PHÒNG
Đặng Nguyễn Thịnh